

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012.

Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 17/06/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: National Securities Joint Stock Company, tên viết tắt là : NSI., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại : Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Bùi Thị Việt Hà	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/05/2014
Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/05/2014
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên	

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Nhữ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc Chi nhánh	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc Chi nhánh	Bổ nhiệm ngày 10/6/2014

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Thị Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014

Số. 461/2014/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉTVề Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được lập ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trương Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Vũ Thị Hồng Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 01a-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		148.115.232.765	197.879.933.891
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	133.915.914.413	121.896.931.347
1. Tiền	111		133.915.914.413	121.896.931.347
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	19.997.644	15.136.088
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.617.684	32.617.684
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.620.040)	(17.481.596)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.784.248.103	75.886.113.469
1. Phải thu khách hàng	131		67.000.000	16.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		95.800.000	55.550.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.3	13.620.571.835	70.795.687.201
5. Phải thu khác	138	5.4	876.268	5.018.376.268
IV- Hàng tồn kho	140		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		395.072.605	81.752.987
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	263.205.317	14.105.528
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.217.628	27.747.459
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	87.649.660	39.900.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		4.249.448.549	4.585.914.568
II- Tài sản cố định	220		1.793.806.297	2.053.881.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	281.441.722	349.730.439
- Nguyên giá	222		1.128.670.106	1.233.167.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(847.228.384)	(883.436.577)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.512.364.575	1.704.151.413
- Nguyên giá	228		4.550.008.794	4.550.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.037.644.219)	(2.845.857.381)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.455.642.252	2.532.032.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	136.157.995	212.548.459
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.10	2.049.147.707	2.049.147.707
4. Tài sản dài hạn khác	268		270.336.550	270.336.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		152.364.681.314	202.465.848.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 01a-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.491.860.115	60.399.593.324
I- Nợ ngắn hạn	310		8.491.860.115	60.399.593.324
3. Người mua trả tiền trước	313		40.000.000	143.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	251.633.894	265.228.994
5. Phải trả người lao động	315		468.137.502	413.562.452
6. Chi phí phải trả	316	5.12	1.802.500.000	1.365.833.333
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.13	5.780.308.758	53.611.215.655
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.14	106.906.701	4.557.628.657
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		42.193.683	42.944.656
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		143.872.821.199	142.066.255.135
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	143.872.821.199	142.066.255.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26.875.658.272)	(28.682.224.336)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		152.364.681.314	202.465.848.459

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
6. Chứng khoán lưu ký - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		41.600.372.900	110.999.099.600

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiên

Bùi Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 02a-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
			VND	VND
1. Doanh thu	01	5.16	8.081.584.478	8.006.249.479
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.325.092.357	1.639.076.864
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		336.600	370.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		226.363.636	405.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		338.842.610	196.816.123
- Doanh thu khác	01.9		5.190.949.275	5.764.986.492
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		8.081.584.478	8.006.249.479
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.17	2.392.606.576	3.529.986.690
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	20		5.688.977.902	4.476.262.789
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	3.882.411.838	4.591.304.228
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+25)	30		1.806.566.064	(115.041.439)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.806.566.064	(115.041.439)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		1.806.566.064	(115.041.439)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	106	(17)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014
Tổng Giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Bùi Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 03a-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
		VND	VND
1	2	3	4
			5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.806.566.064	(115.041.439)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	308.475.555	334.939.672
- Các khoản dự phòng	03	(4.861.556)	(1.570.800)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(95.814.122)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.014.365.941	218.327.433
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	62.037.645.537	(177.722.165.693)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	8.588.502
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(51.907.733.209)	65.473.682.533
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(172.709.325)	(377.159.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	11.971.568.944	(112.398.726.612)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(48.400.000)	(59.283.840)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	95.814.122	4.610.504.857
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.414.122	4.551.221.017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	120.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	5.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	125.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	12.018.983.066	17.152.494.405
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	121.896.931.347	11.190.845.867
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	133.915.914.413	28.343.340.272

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Bùi Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 05-CTCK

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2013	01/01/2014	Kỳ trước		Kỳ này	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
A	1	2	3	4	5	6
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	50.000.000.000	170.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812	219.857.812	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	528.621.659	528.621.659	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(33.503.201.521)	(28.682.224.336)	-	115.041.439	1.806.566.064	(26.875.658.272)
Tổng	17.245.277.950	142.066.255.135	120.000.000.000	115.041.439	1.806.566.064	143.872.821.199

Người lập

Phạm Hồng Thương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chiến

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014
Tổng Giám đốc

Bùi Thị Việt Hà

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009 và Quyết định số 196/UBCK - GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC – UBCK ngày 31/05/2012.

Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 17/06/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: National Securities Joint Stock Company,
Tên viết tắt là: NSI., JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trần Việt Anh	15.300.000	153.000.000.000	90,00%
Bà Nguyễn Thu Hương	850.000	8.500.000.000	5,00%
Ông Nguyễn Đình Thọ	850.000	8.500.000.000	5,00%
Tổng	17.000.000	170.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 30 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 là môi giới chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị trường hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

6 tháng năm 2014

Máy móc thiết bị

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 07

03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 08 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phản ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	98.759.983	79.179.464
Tiền gửi ngân hàng	130.873.321.994	118.467.644.936
- Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	5.420.791.476	28.117.999.169
Tiền đang chuyển	-	360.000.000
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.943.832.436	2.990.106.947
Tổng	133.915.914.413	121.896.931.347

Khối lượng, giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán		
b) Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	131.111.255	1.507.538.926.300
Tổng cộng	131.111.255	1.507.538.926.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a-CTCK

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	Tăng	Giảm		giá trị trường		
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BHS	6	6	75.660	75.660	-	-	3.660	-	72.000	74.400
BMC	3	3	288.800	288.800	-	-	187.400	-	101.400	120.900
CIC	90	90	2.398.500	2.398.500	-	-	-	-	59.400	67.100
CTN	11	11	143.040	143.040	-	-	83.640	-	90.000	80.100
DHA	9	9	299.700	299.700	-	-	209.700	-	-	-
DHI	38	38	1.795.500	1.795.500	-	-	-	-	-	-
DRC	2	2	8.850	8.850	92.150	-	-	-	101.000	78.000
EBS	20	20	174.671	174.671	-	-	26.671	-	148.000	166.600
GMC	6	6	134.344	134.344	45.056	-	-	-	179.400	184.200
GTA	8	8	118.560	118.560	-	-	33.760	-	84.800	88.800
HAI	8	8	108.622	108.622	83.378	-	-	-	192.000	180.000
HAS	6	6	34.450	34.450	1.550	-	-	-	36.000	31.200
HAX	3	3	83.077	83.077	-	-	62.377	-	20.700	12.600
HBC	15	15	171.690	171.690	80.310	-	-	-	252.000	219.000
HNM	60	60	915.840	915.840	-	-	465.840	-	450.000	480.000
HPC	135	135	1.911.985	1.911.985	-	-	1.250.485	-	661.500	486.000
ITA	7	7	150.800	150.800	-	-	94.800	-	56.000	46.200
KDC	1	1	130.150	130.150	-	-	70.150	-	60.000	51.000
KHA	2	2	34.200	34.200	5.800	-	-	-	40.000	30.200
KHP	4	4	72.020	72.020	-	-	16.020	-	56.000	48.800
KLS	62	62	773.959	773.959	-	-	17.559	-	756.400	539.400
LAF	3	3	103.200	103.200	-	-	70.800	-	32.400	24.300
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	158.700	-	92.800	32.000
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	59.350	-	17.700	20.800
POT	9	9	176.594	176.594	-	-	57.794	-	118.800	65.565
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	179.348	-	142.800	175.700
PPG	90	90	-	-	243.000	-	-	-	243.000	225.000
PVT	2	2	56.833	56.833	-	-	32.633	-	24.200	23.400
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	25.000	-	87.600	116.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a-CTCK

5.2 Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán				Số với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
REE	5	5	196.500	196.500	-	-	65.000	-	-	131.500	148.000	
RIC	6	6	103.264	103.264	-	-	53.464	-	-	49.800	38.400	
S55	96	96	1.926.144	1.926.144	1.625.856	-	-	-	-	3.552.000	3.459.168	
S99	76	76	595.371	595.371	537.029	-	-	-	-	1.132.400	456.000	
SAM	6	6	93.472	93.472	-	-	34.072	-	-	59.400	50.400	
SAP	45	45	806.431	806.431	-	-	315.931	-	-	490.500	720.000	
SD5	158	158	2.468.892	2.468.892	-	-	399.092	-	-	2.069.800	2.417.400	
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	1.824.500	-	-	389.500	471.500	
SD9	68	68	983.552	983.552	-	-	99.552	-	-	884.000	856.800	
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	-	-	1.093.464	-	-	424.800	446.400	
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	-	-	1.803.500	-	-	1.760.000	1.280.000	
STB	7	7	176.748	176.748	-	-	32.548	-	-	144.200	120.400	
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	-	180.000	-	-	912.000	927.000	
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	34.494	-	-	33.600	23.400	
TMC	12	12	232.380	232.380	-	-	106.380	-	-	126.000	118.800	
TPH	12	12	-	-	90.000	-	-	-	-	90.000	79.200	
UNI	7	7	105.448	105.448	-	-	59.248	-	-	46.200	49.000	
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	-	-	673.040	-	-	1.078.000	785.400	
VCB	6	6	585.068	585.068	-	-	427.868	-	-	157.200	160.800	
VCS	70	70	-	-	987.000	-	-	-	-	987.000	924.000	
VIC	3	3	122.273	122.273	69.727	-	-	-	-	192.000	210.000	
VIP	1	1	19.588	19.588	-	-	9.688	-	-	9.900	10.800	
VSP	62	62	2.153.742	2.153.742	-	-	1.992.542	-	-	161.200	99.200	
VTS	62	62	917.570	917.570	-	-	309.970	-	-	607.600	706.800	
Tổng	1.656	1.656	32.617.684	32.617.684	3.860.856	-	12.620.040	-	-	19.664.500	18.226.133	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	13.523.373.027	7.422.811.633
<i>Trịnh Thị Hải Yến</i>	11.369.200	-
<i>Lê Văn Hà</i>	143.312.547	-
<i>Thái Thị Thanh Hiền</i>	14.200.000	-
<i>Vũ Thanh Bình</i>	9.634.023	-
<i>Nguyễn Thị Minh Nguyệt</i>	-	606.730.424
<i>Phạm Thị Huyền Nhung</i>	282.644.051	-
<i>Ninh Thị Minh Khuê</i>	52.800.000	-
<i>Nguyễn Thị Phương</i>	8.400.000	-
<i>Nguyễn Thị Bích Liên</i>	-	1.451.799.727
<i>Nguyễn Quang Trường</i>	-	1.032.015.565
<i>Trần Lan Phương</i>	-	669.168.958
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	-	569.902.151
<i>Đoàn Thị Thu Phương</i>	-	424.587.973
<i>Phạm Thị Hà</i>	143.270.430	-
<i>Phạm Thị Hồng Nhung</i>	-	922.795.207
<i>Lê Đình Hạnh</i>	-	204.823.725
<i>Nguyễn Thị Minh Tâm</i>	-	461.417.729
<i>Lê Thị Hạnh</i>	-	564.265.360
<i>Đỗ Hoàng Phú</i>	400.000	-
<i>Nguyễn Xuân Hoàng</i>	2.430.150	-
<i>Hồ Thị Nhị</i>	951.832.076	-
<i>Nhan Đức Lâm</i>	861.302.433	-
<i>Tôn Thất Minh Khang</i>	778.817.814	-
<i>Nguyễn Ngọc Diệp</i>	98.400.000	-
<i>Võ Thị Mỹ Lệ</i>	408.354.840	-
<i>Đỗ Việt Kiên</i>	9.756.205.463	-
<i>Khác</i>	-	515.304.814

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (Tiếp theo)

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	62.645.713.421
<i>Công ty TNHH Kinh doanh</i>	-	448.696.401
<i>Tổng hợp Huy Hùng</i>	-	26.471.218.009
<i>Trần Quang Cảnh</i>	-	151.686.848
<i>Nguyễn Lan Hương</i>	-	101.415.451
<i>Ninh Thị Minh Khuê</i>	-	596.324.683
<i>Phạm Thị Phương Hiền</i>	-	894.550.284
<i>Lê Đình Hạnh</i>	-	6.323.678
<i>Nguyễn Thị Huyền</i>	-	59.764.652
<i>Phạm Thị Hà</i>	-	797.480.334
<i>Nguyễn Trọng Bộ</i>	-	6.495.541.267
<i>Nguyễn Thị Minh Nguyệt</i>	-	4.096.637.836
<i>Nguyễn Hải Dương</i>	-	6.310.937.279
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	-	2.753.844.164
<i>Nguyễn Thị Phương</i>	-	1.589.736.405
<i>Nguyễn Quang Trường</i>	-	1.408.606.045
<i>Võ Thị Minh Hiếu</i>	-	1.256.812.835
<i>Nguyễn Thị Bích Liên</i>	-	1.096.153.016
<i>Phạm Thị Hồng Nhung</i>	-	838.265.057
<i>Nguyễn Thị Minh Tâm</i>	-	814.531.251
<i>Diệp Thị Thu</i>	-	1.084.152.901
<i>Trần Quốc Toàn</i>	-	5.373.035.025
<i>Các đối tượng khác</i>	-	674.486.635
Tiền lãi dự thu - Trần Quang Cảnh	-	674.486.635
Phải thu khách hàng về GD chứng khoán	97.198.808	52.675.512
Tổng	13.620.571.835	70.795.687.201

5.4 Phải thu khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền lãi dự thu Công ty Cổ phần Tập đoàn	-	5.017.500.000
Đầu tư Việt Phương	-	-
Phải thu khác	876.268	876.268
Tổng	876.268	5.018.376.268

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	14.105.528	17.527.126
Tăng	476.000.000	574.407.101
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	226.900.211	255.614.475
Tại ngày 30 tháng 06	263.205.317	336.319.752
	30/06/2014	01/01/2014
Chi tiết theo nội dung	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.893.629	12.480.528
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	261.311.688	1.625.000
Tổng	263.205.317	14.105.528

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	87.649.660	39.900.000
Tổng	87.649.660	39.900.000

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	152.896.910	1.080.270.106	1.233.167.016
Tăng trong kỳ	-	48.400.000	48.400.000
Mua trong kỳ	-	48.400.000	48.400.000
Giảm trong kỳ	152.896.910	-	152.896.910
Thanh lý, nhượng bán	152.896.910	-	152.896.910
Số dư tại 30/06/2014	-	1.128.670.106	1.128.670.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	145.616.104	737.820.473	883.436.577
Tăng trong kỳ	7.280.806	109.407.911	116.688.717
Khấu hao trong kỳ	7.280.806	109.407.911	116.688.717
Giảm trong kỳ	152.896.910	-	152.896.910
Thanh lý, nhượng bán	152.896.910	-	152.896.910
Số dư tại 30/06/2014	-	847.228.384	847.228.384
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	7.280.806	342.449.633	349.730.439
Tại 30/06/2014	-	281.441.722	281.441.722

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.8 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	4.550.008.794	4.550.008.794
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ		
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>4.550.008.794</u>	<u>4.550.008.794</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	2.845.857.381	2.845.857.381
Tăng trong kỳ	191.786.838	191.786.838
Khấu hao trong kỳ	191.786.838	191.786.838
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2014	<u>3.037.644.219</u>	<u>3.037.644.219</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	<u>1.704.151.413</u>	<u>1.704.151.413</u>
Tại 30/06/2014	<u>1.512.364.575</u>	<u>1.512.364.575</u>

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	212.548.459	160.168.930
Tăng	13.206.182	183.111.500
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	89.596.646	124.744.739
Tại ngày 30 tháng 06	<u>136.157.995</u>	<u>218.535.691</u>
<u>Chi tiết theo nội dung</u>		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.359.032	132.255.312
Chi phí phần mềm Goline	36.755.275	56.803.609
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.043.688	23.489.538
Tổng	<u>136.157.995</u>	<u>212.548.459</u>

5.10 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
Tiền nộp bổ sung	1.504.195.620	1.504.195.620
Tiền lãi phân bổ	225.023.080	225.023.080
Tổng	<u>2.049.147.707</u>	<u>2.049.147.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.898.636	-
Thuế thu nhập cá nhân	249.735.258	265.228.994
Tổng	251.633.894	265.228.994

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	1.780.500.000	1.330.500.000
Thù lao HĐQT	22.000.000	35.333.333
Tổng	1.802.500.000	1.365.833.333

(*): Chi phí thuê văn phòng phải trả là tiền thuê Văn phòng Công ty tại 34B Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội chưa thanh toán đến 30/06/2014.

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	217.148	217.148
Bảo hiểm xã hội	-	18.987.840
Bảo hiểm y tế	-	3.560.221
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.582.320
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	5.420.791.476	28.117.999.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	359.300.134	25.468.868.957
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á</i>	-	25.078.730.000
- Nguyễn Chí Thành	297.667.000	297.667.000
- Tiền đặt cọc đấu giá	33.540.000	33.540.000
- Phải trả, phải nộp khác	28.093.134	58.931.957
Tổng	5.780.308.758	53.611.215.655

5.14 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Sở GDCK - đăng ký phát hành thêm (*)	-	4.431.980.000
Lãi phải trả cho nhà đầu tư	102.867.411	121.609.367
Phải trả khác - Phí giao dịch trả cho nhân viên kinh doanh	4.039.290	4.039.290
Tổng	106.906.701	4.557.628.657

(*) Khoản tiền Nhà đầu tư nộp để mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh, đã chuyển trả Sở Giao dịch Chứng khoán ngày 06/02/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.15 Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

5.16 Doanh thu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.325.092.357	1.639.076.864
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	336.600	370.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	226.363.636	405.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	338.842.610	196.816.123
Doanh thu khác (*)	5.190.949.275	5.764.986.492
Tổng	8.081.584.478	8.006.249.479

(*) Chi tiết doanh thu khác theo nội dung

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
<i>Lãi tiền gửi không kỳ hạn</i>	95.814.122	142.038.658
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	58.597.222
<i>Doanh thu phí nhận được từ hợp đồng hợp tác với VAB (**)</i>	4.328.690.272	5.149.537.175
<i>Doanh thu dịch vụ nhượng quyền nhận tiền bán</i>	670.657.210	230.159.468
<i>Doanh thu khác</i>	95.787.671	184.653.969
Tổng	5.190.949.275	5.764.986.492

(**): là khoản phí nhận được từ Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán số 05012013/VAB-NSI ngày 05/01/2013 về việc Ngân hàng TMCP Việt Á đồng ý cung cấp dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán cho các khách hàng hiện đang mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.17 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.230.909.327	858.317.107
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	15.224.778	20.072.686
Chi phí hoạt động tư vấn	25.555.113	26.655.069
Chi phí lưu ký chứng khoán	38.253.322	12.953.450
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	1.082.664.036	2.611.988.378
Tổng	2.392.606.576	3.529.986.690

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.025.366.151	2.129.754.667
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	85.649.948	77.504.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.475.555	374.065.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.152.345.401	1.746.918.040
Chi phí khác bằng tiền	310.574.783	263.061.379
Tổng	3.882.411.838	4.591.304.228

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.806.566.064	(115.041.439)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.806.566.064	-
<i>Chuyển lỗ</i>	1.806.566.064	-
<i>Thu nhập chịu thuế TNDN</i>	-	(115.041.439)
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.806.566.064	(115.041.439)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.806.566.064	(115.041.439)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	17.000.000	6.583.562
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	106	(17)

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị		Lương, thưởng, thù lao	493.923.167	499.086.000

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

6.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.915.914.413	121.896.931.347
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.688.448.103	75.830.563.469
Tổng	147.604.362.516	197.727.494.816
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.887.215.459	58.168.844.312
Chi phí phải trả	1.802.500.000	1.365.833.333
Tổng	7.689.715.459	59.534.677.645

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có các khoản vay, theo đó, Công ty không chịu rủi ro lãi suất khi có biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu tại thời điểm 30/6/2014 là 12.620.040 đồng.

6.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.887.215.459	-	5.887.215.459
Chi phí phải trả	1.802.500.000	-	1.802.500.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	58.168.844.312	-	58.168.844.312
Chi phí phải trả	1.365.833.333	-	1.365.833.333
Công nợ khác			-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.915.914.413	-	133.915.914.413
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.688.448.103	-	13.688.448.103
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.896.931.347	-	121.896.931.347
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.830.563.469	-	75.830.563.469

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-CTCK

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2014

Người lập

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Bùi Thị Việt Hà